

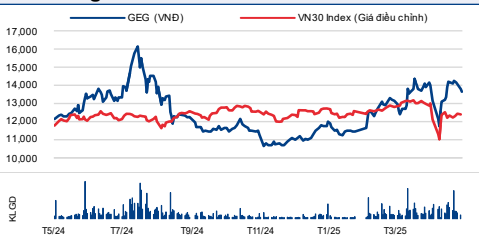
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ17,800
Tiềm năng tăng/giảm: 30.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2025)	13,650
Mã Bloomberg	GEG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,650-16,143
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	13,833
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,891
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	188
Slg CP lưu hành (tr.đv)	358
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	176
Slg CP NN được mua (tr.đv)	18.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	43.7%
Tỷ lệ freefloat	41.8%
Cổ đông lớn	JERA (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	2,163	2,538	2,900
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,660	1,663	1,983
LNTT (tỷ đồng)	195	158	497
LNT ĐC (tỷ đồng)	132	112	353
FCF (tỷ đồng)	(517)	626	869
EPS ĐC (đồng)	367	312	985
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	12,141	12,335	13,239
T.trưởng EBITDA (%)	9.51	0.19	19.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(56.5)	(14.3)	216
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	76.7	65.5	68.4
Tỷ suất LNTT (%)	9.01	6.21	17.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.34	4.64	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	227	209	171
ROAE (%)	3.18	2.68	8.10
ROACE (%)	6.52	6.59	8.61
EV/doanh thu (lần)	6.82	5.56	4.48
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.89	8.48	6.55
P/E ĐC (lần)	37.2	43.7	13.9
P/B (lần)	1.12	1.11	1.03
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GEG là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Việt Nam với 81 MW thủy điện, hơn 300 MWp điện mặt trời và 230 MW điện gió vào cuối năm 2023. GEG có kế hoạch mở rộng công suất khá tham vọng trong giai đoạn 2023-2030.

Chuyên viên phân tích

Natalie Nguyễn

Trưởng Phòng, Ngành Năng Lượng
natalie.nguyen@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 110

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Gặt hái thành quả trong năm 2025, lợi nhuận Q1/2025 tăng mạnh

- Cho năm 2025, GEG đặt mục tiêu doanh thu và LNST lần lượt ở mức 3.399 tỷ đồng (tăng trưởng 43%) và 687 tỷ đồng (tăng trưởng 647%).
- Trong Q1/2025, doanh thu tăng 51% so với cùng kỳ đạt 1.113 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng mạnh 322% so với cùng kỳ đạt 378,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu không tính doanh thu hồi tố từ dự án TPD1, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đã giảm 73% so với cùng kỳ, chủ yếu là do sản lượng điện giảm 19% so với cùng kỳ, chỉ hoàn thành 10% dự báo lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi cho cả năm của HSC.
- Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu ở mức 17.800đ.

Sự kiện: Tổ chức ĐHCĐ ngày 29/4/2025

Tại đại hội, cổ đông đã được cập nhật nhiều thông tin quan trọng liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Hai đại diện từ JERA đã từ nhiệm thành viên HĐQT và có 2 đại diện mới thay thế, cũng đến từ tổ chức này. Ban đầu, TTC Biên Hòa đề cử ông Trần Đức Hoàng từ EZLaw vào HĐQT nhưng sau đó đã rút lại đề cử này. Đối với kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, quý khen thưởng được thông qua với tỷ lệ 5% lợi nhuận thuần, và cổ tức bằng tiền mặt 6% cho các cổ đông ưu đãi. Công ty cũng công bố kế hoạch mua lại 7,7 triệu cổ phiếu ưu đãi (trong tổng số 64,2 triệu cổ phiếu ưu đãi đã được phát hành trong năm 2022) với mức giá dao động trong khoảng 10.000đ-10.936đ/cp. Việc mua lại cổ phiếu dự kiến sẽ diễn ra trong Q4/2025 hoặc Q1/2026, trong khi chờ nhận được phê duyệt từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC).

KHKD năm 2025: Dự án TPD1 thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận

Cho năm 2025, Công ty kỳ vọng ghi nhận KQKD tích cực, với doanh thu dự kiến đạt 3.399 tỷ đồng, tăng trưởng 43%, một phần nhờ vào doanh thu hồi tố hơn 440 tỷ đồng từ dự án Tân Phú Đông 1 (TPD1). LNTT được dự báo tăng hơn 4 lần đạt 777 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần được kỳ vọng tăng trưởng 647% đạt 687 tỷ đồng. GEG không có kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2024 và 2025 đối với cổ đông phổ thông.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, GEG

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	% kế hoạch cty 2025
Doanh thu	739.2	1,112.8	100%	50.5%	33%
Giá vốn hàng bán	-321.1	-286.7	-18%	-10.7%	
Lợi nhuận gộp	418.1	826.1	301%	97.6%	
Chi phí BH&QL	-44.0	-44.9	51%	2.0%	
Thu nhập tài chính	9.4	7.8	-16%	-16.4%	
Chi phí tài chính	-245.5	-187.4	20%	-23.7%	
Thu nhập từ công ty liên kết	-0.55	3.5	-73%	n/m	
Thu nhập thuần khác	-0.8	0.2	-86%	n/m	
LNTT	136.6	605.3	1,292%	343.0%	78%
LNST	126.3	612.9	4,855%	385.4%	89%
Lợi nhuận thuần	89.7	378.2	1,119%	321.9%	
Lợi nhuận cốt lõi	89.7	23.8	-23%	-73.4%	

Nguồn: GEG, HSC

Công ty đang triển khai các dự án quan trọng, bao gồm dự án điện mặt trời Đức Huệ 2 (41 MW), dự án điện gió VPL2 (30 MW) và thủy điện nhỏ Ea Tih (8,6 MW) và đang chờ nhận được phê duyệt gia hạn giấy chứng nhận đầu tư cho dự án Đức Huệ 2 và dự kiến sẽ sớm khởi công xây dựng. Công ty cũng đang có kế hoạch phát triển danh mục đầu tư 1 GW, bao gồm các dự án tích trữ năng lượng, dự án điện gió và điện mặt trời, cùng với việc phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS). Tuy nhiên, thông tin chi tiết chưa được công bố. GEG sẽ thoái vốn khỏi công ty đang sở hữu 25% cổ phần là CTCP Thủy điện Trường Phú với mức giá kỳ vọng tối thiểu là 36 tỷ đồng/MW, và thu về 200 tỷ đồng nhằm hỗ trợ kế hoạch tái cấu trúc tài chính và tài trợ các dự án trong tương lai.

Q1/2025: Lợi nhuận tăng mạnh nhờ ghi nhận doanh thu hồi tố từ dự án TPD1

Doanh thu Q1/2025 tăng 50,5% so với cùng kỳ đạt 1.112,8 tỷ đồng, đa phần nhờ đàm phán thành công tại dự án TPD1 vào đầu năm 2025. Lợi nhuận tăng phản ánh giá bán điện chuyển tiếp (tăng gấp đôi so với trước đây) được áp dụng trong tháng 3/2025 và thanh toán hồi tố cho giai đoạn 31/5/2023 đến 28/2/2025. Chi phí tài chính giảm 23,7% xuống 187,4 tỷ đồng, nhờ tái cấp vốn trái phiếu đang lưu hành, giúp giảm chi phí lãi vay. Do đó, lợi nhuận thuần của GEG tăng mạnh hơn gấp 4 lần so với cùng kỳ đạt 378,2 tỷ đồng.

Nếu không tính doanh thu hồi tố 440 tỷ đồng, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đã giảm 73% so với cùng kỳ, chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ giảm 18,6% so với cùng kỳ (xem Bảng 2), chỉ hoàn thành 10% dự báo lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi cho cả năm của chúng tôi.

Bảng 2: Sản lượng tiêu thụ, GEG

Sản lượng điện gió thấp khiến tổng sản lượng điện giảm

Triệu kWh	Q1/24	Q1/25	So với cùng kỳ	KH 2025	% KH 2025
Điện gió	275.8	205.5	-25.5%	645.1	32%
Điện mặt trời	89.9	81.1	-9.8%	344.8	24%
Thủy điện	27.4	31.6	15.1%	344.2	9%
Điện mặt trời áp mái	11.1	10.7	-2.9%	42.2	25%
Tổng cộng	404.2	328.9	-18.6%	1,376.2	24%

Nguồn: GEG, HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu Q1/2025, GEG

Doanh thu thu điện gió tăng mạnh nhờ doanh thu hồi tố từ dự án TPD1

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	So với cùng kỳ	KH 2025	% KH 2025
Điện gió	447.7	822.3	83.7%	1660.5	50%
Điện mặt trời	202.1	187.8	-7.1%	779.2	24%
Thủy điện	57.5	60.7	5.6%	363.9	17%
Điện mặt trời áp mái	22.0	21.8	-0.8%	85.1	26%
Tổng cộng	729.3	1,092.6	49.8%	2,888.7	38%

Nguồn: GEG, HSC

Như số liệu được trình bày trong Bảng 2 và 3, tổng sản lượng điện giảm 18,6% so với cùng kỳ đạt 328,9 triệu kWh, do sản lượng điện của hầu hết các phân khúc đều giảm — điện gió (giảm 25,5% so với cùng kỳ), điện mặt trời (giảm 9,8% so với cùng kỳ) và điện mặt trời áp mái (giảm 2,9% so với cùng kỳ) — trong khi sản lượng thủy điện tăng 15,1% so với cùng kỳ nhờ điều kiện thời tiết trong Q1/2025 thuận lợi. Mặc dù sản lượng điện giảm, doanh thu tăng mạnh 49,8% so với cùng kỳ đạt 1.092,6 tỷ đồng, đa phần nhờ đóng của điện gió. Doanh thu điện gió tăng mạnh 83,7% so với cùng kỳ đạt 822,3 tỷ đồng, đa phần nhờ dự án TPD1 hưởng lợi từ mức giá bán điện chuyển tiếp mới và ghi nhận một khoản thanh toán hồi tố lớn lên đến 440 tỷ đồng cũng tại dự án này.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 17.800đ

Sau khi giá cổ phiếu tăng 19,2% trong 3 tháng qua, GEG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,8 lần, thấp hơn 1,1 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2023 ở mức 25,3 lần. Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 17.800đ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	2,093	2,163	2,538	2,900	2,961
Lợi nhuận gộp	1,011	1,121	1,116	1,456	1,420
Chi phí BH&QL	(161)	(159)	(152)	(204)	(201)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	851	961	964	1,253	1,219
Lãi vay thuần	(443)	(770)	(813)	(762)	(645)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	12.8	5.21	6.73	6.86	8.75
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(13.6)	(1.53)	0	0	0
LNTT	407	195	158	497	583
Chi phí thuế TNDN	(36.2)	(51.7)	(15.8)	(49.7)	(58.3)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(54.9)	(6.08)	(24.1)	(76.1)	(89.2)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	316	137	118	371	435
Lợi nhuận thuần ĐC	311	132	112	353	414
EBITDA ĐC	1,516	1,660	1,663	1,983	1,949
EPS (đồng)	881	383	328	1,036	1,215
EPS ĐC (đồng)	867	367	312	985	1,154
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	358	358	358	358	358
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	358	358	358	358	358
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	358	358	358	358	358

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	334	229	644	1,000	690
Đầu tư ngắn hạn	491	233	233	70.0	35.0
Phải thu khách hàng	750	829	878	872	893
Hàng tồn kho	155	127	167	112	163
Các tài sản ngắn hạn khác	389	40.3	52.1	52.8	56.3
Tổng tài sản ngắn hạn	2,118	1,458	1,974	2,107	1,838
TSCĐ hữu hình	14,789	14,378	13,767	13,311	12,585
TSCĐ vô hình	28.9	25.2	32.5	34.3	36.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	113	168	172	175	178
Tài sản dài hạn khác	69.3	102	127	122	123
Tổng tài sản dài hạn	15,000	14,674	14,098	13,642	12,923
Tổng cộng tài sản	17,118	16,132	16,073	15,749	14,761
Nợ ngắn hạn	663	1,415	1,015	1,160	1,184
Phải trả người bán	1,225	74.9	142	142	143
Nợ ngắn hạn khác	133	130	67.6	89.2	85.8
Tổng nợ ngắn hạn	2,071	1,679	1,287	1,452	1,474
Nợ dài hạn	9,264	8,682	8,849	7,930	6,412
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	152	1.82	0.07	0.07	0.07
Tổng nợ dài hạn	9,418	8,686	8,850	7,931	6,412
Tổng nợ phải trả	11,488	10,365	10,136	9,383	7,887
Vốn chủ sở hữu	4,278	4,350	4,420	4,743	5,138
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,352	1,417	1,516	1,623	1,736
Tổng vốn chủ sở hữu	5,630	5,767	5,936	6,366	6,874
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,118	16,132	16,073	15,749	14,761
BVPS (đ)	11,939	12,141	12,335	13,239	14,340
Nợ thuần*/(tiền mặt)	9,593	9,867	9,220	8,090	6,906

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	851	961	964	1,253	1,219
Khấu hao	(652)	(697)	(699)	(730)	(730)
Lãi vay thuần	(443)	(770)	(813)	(762)	(645)
Thuế TNDN đã nộp	(36.2)	(51.7)	(15.8)	(49.7)	(58.3)
Thay đổi vốn lưu động	(336)	307	(30.5)	81.1	(77.5)
Khác	(192)	(81.1)	(84.4)	(109)	(108)
LCT thuần từ HKKD	496	1,063	719	1,143	1,061
Đầu tư TS dài hạn	(4,599)	(1,580)	(93.7)	(274)	(5.23)
Góp vốn & đầu tư	(776)	(392)	0	163	35.0
Thanh lý	634	58.6	0	0	0
Khác	336	550	66.6	138	134
LCT thuần từ HĐĐT	(4,405)	(1,363)	(27.1)	27.0	164
Cổ tức trả cho CSH	(57.1)	(84.3)	(38.5)	(38.5)	(38.5)
Thu từ phát hành CP	1,232	114	(5.12)	0	0
Tăng/giảm nợ	2,823	169	(233)	(774)	(1,494)
Khác	(4.10)	(4.10)	(1.58)	(1.58)	(1.58)
LCT thuần từ HĐTC	3,993	195	(278)	(814)	(1,534)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	250	334	229	644	1,000
LCT thuần trong kỳ	83.9	(105)	415	356	(309)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.11)	0.16	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	334	229	644	1,000	690
Dòng tiền tự do	(4,103)	(517)	626	869	1,056

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	48.3	51.8	44.0	50.2	47.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	72.4	76.7	65.5	68.4	65.8
Tỷ suất LNT (%)	15.1	6.34	4.64	12.8	14.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.90	26.5	10.00	10.00	10.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	51.6	3.35	17.3	14.3	2.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	53.7	9.51	0.19	19.2	(1.69)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	52.2	(57.7)	(15.0)	216	17.2
Tăng trưởng EPS (%)	11.6	(56.5)	(14.3)	216	17.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	52.2	(57.7)	(15.0)	216	17.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	8.25	3.18	2.68	8.10	8.81
ROACE (%)	6.39	6.52	6.59	8.61	8.84
Vòng quay tài sản (lần)	0.14	0.13	0.16	0.18	0.19
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.58	1.11	0.75	0.91	0.87
Số ngày tồn kho	52.3	44.3	43.0	28.3	38.5
Số ngày phải thu	253	290	225	220	212
Số ngày phải trả	413	26.2	36.5	36.0	33.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	224	227	209	171	134
Nợ/tài sản (%)	58.0	62.6	61.4	57.7	51.5
EBIT/lãi vay (lần)	1.92	1.25	1.19	1.64	1.89
Nợ/EBITDA (lần)	6.61	6.09	5.93	4.59	3.90
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.02	0.87	1.53	1.45	1.25
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.92	6.82	5.56	4.48	3.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.55	8.89	8.48	6.55	6.05
P/E (lần)	15.5	35.6	41.6	13.2	11.2
P/E ĐC (lần)	15.7	37.2	43.7	13.9	11.8
P/B (lần)	1.14	1.12	1.11	1.03	0.95
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn